

Số: 760 /2018/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 7 năm 2018

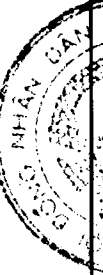
NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa
thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi
trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HT	
ĐẾN	Số: 760
	Ngày: 22/7
	Chuyên: Căn cứ Luật

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 6**

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*
- Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*
- Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật giám định tư pháp ngày 26 tháng 6 năm 2012;*
- Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*
- Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;*
- Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;*
- Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước;*
- Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*
- Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;*
- Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30*



tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Xét Tờ trình số 4691/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết “Quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

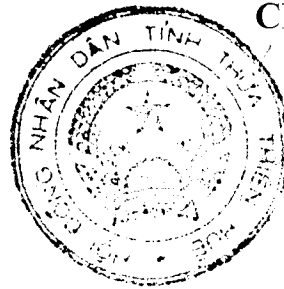
1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 09/2013/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về một số chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP Huế;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Lĩnh vực xã hội hóa bao gồm: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa;

Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

d) Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: Các chính sách ưu đãi được thực hiện theo Quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Điều kiện được hưởng các chính sách khuyến khích xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa đảm bảo phù hợp quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt; phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn trong lĩnh vực xã hội hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan.

Chương II

CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA

Điều 3. Chính sách hỗ trợ các công trình kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào

Các dự án xã hội hóa xây dựng mới đáp ứng điều kiện tại Điều 2, Quy định này và thuộc Danh mục dự án khuyến khích xã hội hóa ưu tiên kêu gọi đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành được hưởng các hỗ trợ đầu tư như sau:

1. Hỗ trợ công trình giao thông ngoài hàng rào bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước phù hợp với quy hoạch được duyệt, quy mô đầu tư đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ dự án của nhà đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các công trình điện, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị doanh nghiệp chuyên ngành đầu tư xây dựng đến công trình để bán trực tiếp cho các nhà đầu tư.

3. Hỗ trợ hoàn trả kinh phí rà phá bom mìn, vật nổ (nếu có) từ nguồn ngân sách của địa phương sau khi công trình xã hội hóa chính thức đưa vào sử dụng.

4. Đối với một số hạ tầng trong hàng rào, tỉnh sẽ xem xét mức hỗ trợ phù hợp tùy theo tính chất, quy mô của dự án từ nguồn ngân sách của địa phương.

Điều 4. Chính sách về cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất

1. Thực hiện theo khoản 2, Điều 1, Nghị định 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ và khoản 2, Điều 1, Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa nếu có nhu cầu thuê nhà, cơ sở vật chất do Nhà nước đang quản lý thì giá cho thuê xác định theo phương pháp giá cho thuê tối thiểu.

Điều 5. Chính sách cho thuê đất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa. Việc xử lý tiền bồi

thường, giải phóng mặt bằng thực hiện theo điểm 5, khoản 3, Điều 1, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa xây dựng các công trình xã hội hóa được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê trên địa bàn các xã thuộc huyện, thị xã của tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị (thành phố Huế, các phường thuộc thị xã Hương Thủy và thị xã Hương Trà, các thị trấn thuộc huyện) thực hiện theo quy định tại điểm 2, khoản 3, Điều 1, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ, căn cứ vào lĩnh vực và khu vực địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và công bố công khai chế độ miễn, giảm tiền thuê đất sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; mức tối đa là miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian của dự án; mức tối thiểu bằng mức ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về đầu tư.

Định kỳ 03 (ba) năm một lần, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát đề sửa đổi, bổ sung Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương cho phù hợp.

Điều 6. Chính sách ưu đãi về tín dụng

1. Ưu tiên cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa vay vốn trung hạn và dài hạn từ Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế; điều kiện, mức vốn cho vay và lãi suất ưu đãi theo quy định của Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Trường hợp chỉ vay vốn thương mại, cơ sở thực hiện xã hội hóa được hỗ trợ tiền chênh lệch lãi vay thương mại với lãi suất ưu đãi của Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế để đầu tư tài sản cố định thực hiện dự án với thời gian hỗ trợ không quá 5 (năm) năm đầu thực hiện dự án.

Điều 7. Các chính sách khác

1. Các nội dung khác về chính sách khuyến khích xã hội hóa không quy định tại quy định này được thực hiện theo các quy định của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

2. Ngoài việc được hưởng chính sách khuyến khích tại Quy định này, cơ sở thực hiện xã hội hóa còn được hưởng chế độ ưu đãi và hỗ trợ đầu tư quy định



tại các văn bản pháp luật khác trên nguyên tắc chỉ được hưởng chế độ cao nhất và không trùng lặp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Quy định chuyển tiếp

Các dự án xã hội hóa đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được xử lý chuyển tiếp về chính sách ưu đãi kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực như sau:

1. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án đã được cấp chứng nhận đầu tư (quyết định chủ trương đầu tư) hưởng chính sách ưu đãi cao hơn chính sách ưu đãi tại Nghị quyết này thì dự án tiếp tục được hưởng theo các chính sách đó cho thời gian còn lại;

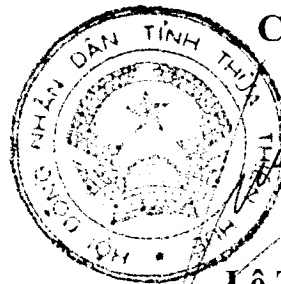
2. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án đã được cấp chứng nhận đầu tư (quyết định chủ trương đầu tư) hưởng chính sách ưu đãi thấp hơn chính sách ưu đãi tại Nghị quyết này thì được điều chỉnh theo Nghị quyết này cho thời gian còn lại;

3. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được Nhà nước giao đất mà được miễn tiền sử dụng đất hoặc được giảm tiền sử dụng đất và đã nộp phần tiền sử dụng đất không được giảm theo quy định tại pháp luật về khuyến khích xã hội hóa trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì hành thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn sử dụng đất còn lại mà không phải chuyển sang thuê đất. Trường hợp chuyển sang thuê đất thì không phải nộp tiền thuê đất trong thời hạn đã được giao đất.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, những quy định mới của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời đề xuất những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với các quy định của pháp luật trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua./.



CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu